

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Vân

Ông Hoàng Ngọc Thành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 318/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-DS ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị M**, sinh năm 1990; (có mặt)

ĐKHK: **Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.**

Nơi cư trú: **Đội 1, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.**

- Bị đơn: Anh **Lê Xuân S**, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.**

- Người làm chứng: Ông **Lê Xuân C**, sinh năm 1962; địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.** Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Vũ Thị M** trình bày:

Chị và anh **S** tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T** ngày 08/02/2011. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống hạnh phúc được khoảng thời gian

10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh **S** không tập trung làm ăn kinh tế lo cho gia đình, vợ chồng không có chia sẻ, quan tâm nhau nên xảy ra xô xát. Vợ chồng hiện đã sống ly thân, chị về nhà đẻ sinh sống. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh **S**, chị làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh **S**.

Về con chung: Chị và anh **S** có 02 con chung là **Lê Gia B**, sinh ngày 23/8/2012 và **Lê Bảo N**, sinh ngày 26/11/2015, hiện các con đang ở với anh **S** và gia đình anh **S**. Khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con, còn nếu không được thì xin nuôi cháu nhỏ là **Lê Bảo N**. Nếu hai bên mỗi người nuôi một con, hoặc chị được nuôi cả hai con thì hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Vợ chồng không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **S** trình bày:* Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như chị **M** trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng anh xác định chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất, do hai bên không thông cảm, không tin tưởng nhau. Chị **M** đã bỏ về nhà đẻ ở **huyện T**, sống ly thân với anh, anh đã nhiều lần khuyên bảo, động viên chị **M** nhưng chị **M** không thay đổi, vẫn kiên quyết xin ly hôn. Đến nay, anh chưa có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Nay chị **M** làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái, còn chị **M** cứ cố tình ly hôn thì anh mong muốn 2 năm nữa đến khi con thứ hai vào cấp 2 thì mới giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị **M** trình bày. Anh không muốn ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến các con. Trường hợp nếu chị **M** cứ kiên quyết xin ly hôn, Tòa án giải quyết ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung để đảm bảo việc học tập, sinh hoạt ổn định của các con. Chị **M** có quan điểm xin nuôi con anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Anh vẫn có quan điểm là để 2 năm nữa khi con thứ hai vào cấp 2 thì anh sẽ đồng ý ly hôn, để tránh ảnh hưởng đến tâm lý của con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên nên anh không đề nghị giải quyết.

Tại phiên toà: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến nêu trên. Nguyên đơn trình bày vào thời điểm vợ chồng xung đột năm 2023, anh **S** yêu cầu chị viết đơn xin ly hôn, không cho chị nuôi hai con. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị **M** vẫn thường xuyên về chơi với con, đóng tiền học cho con, chị muốn đón con về chơi nhưng anh **S** không cho chị đón con. Hiện tại chị đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Bị đơn về cơ bản giữ nguyên ý kiến ở trên. Bị đơn xác định khi vợ chồng xảy ra xung đột vào tháng 8/2023, có nói chị **M** viết đơn xin ly hôn. Quan điểm của bị đơn đến nay không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy hai con. Trường hợp nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn, về con chung bị đơn xin nuôi cả hai con, không đồng ý chị **M** nuôi con vì chị **M** là người không yêu thương con nên tự ý bỏ đi, không ở lại nuôi dạy con nên không đủ điều kiện nuôi dạy con. Anh tự nguyện không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng tiền nuôi con khi anh nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật:** Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **M**, anh **S** trong quá trình tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị **Vũ Thị M** ly hôn anh **Lê Xuân S**; về con chung: Giao con **Lê Gia B**, sinh ngày 23/8/2012 cho anh **Lê Xuân S** trực tiếp nuôi dưỡng và **Lê Bảo N**, sinh ngày 26/11/2015 cho chị **Vũ Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị **M** phải chịu án phí ly hôn theo quy định.\

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Người làm chứng vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **M**, anh **S** tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương** là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **M** và ý kiến của anh **S**, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai bên có xảy ra xô sát, không còn tin tưởng nhau. Vợ chồng sống ly thân, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, độc lập kinh tế.

Anh **S** xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ nhặt trong đời sống hôn nhân, tuy nhiên anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, anh xác định khi xảy ra xung đột thì anh có yêu cầu chị **M** viết đơn xin ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị **M** và anh **S** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **M**, xử cho chị **M** ly hôn anh **S** là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là **Lê Gia B**, sinh ngày 23/8/2012 và **Lê Bảo N**, sinh ngày 26/11/2015, hiện các con đang ở với anh **S**. Khi ly hôn chị **M** xin nuôi cả hai con, còn nếu không được thì xin nuôi con **Lê Bảo N**. Anh **S** xin nuôi cả hai con. HĐXX nhận thấy, chị **M** và anh **S** đều có nguyện vọng nuôi con, cháu **B** có nguyện vọng xin ở với bố, cháu **N** có nguyện vọng xin ở với mẹ. Chị **M**, anh **S** đều có điều kiện đảm bảo cho con sinh sống, học tập. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho mỗi người nuôi một con, cháu **N** là con gái cần có sự chia sẻ, chăm sóc của mẹ nên giao cháu **Lê Bảo N** cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **Lê Gia B** giao cho anh **S** trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của hai bên.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị **M**, anh **S** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị **Vũ Thị M** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị **Vũ Thị M** ly hôn anh **Lê Xuân S**
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung **Lê Bảo N**, sinh ngày 26/11/2015 cho chị **Vũ Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng; giao con **Lê Gia B**, sinh ngày 23/8/2012 cho anh **Lê Xuân S** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của chị **M**, anh **S**.

Chị **Vũ Thị M**, anh **Lê Xuân S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **M** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000979 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị **M** đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Thanh Hải, H. Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng